

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2022

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUỖN H, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kim Thị Hồng Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Thanh Hùng

2. Ông Trần Đạt Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Trường, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Kim Mau - kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Sô B, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp Trà Kh, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Thạch B, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp Trà Kh (chỗ ở ấp Sóc Ó), xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

- *Con chung:* Cháu Thạch Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Thạch Thị Thu H, sinh ngày 20/4/2020.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2021, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Sô B trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân, bà và ông Thạch B sau khoảng 02 năm quen biết, đến năm 2012 tự nguyện kết hôn, năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn về sinh sống chung nhà cha mẹ bà tại ấp Trà Kh, xã Ngũ L, công việc thường ngày là phụ giúp cha mẹ làm ruộng. Do ông B lo chơi, thường đi uống rượu, đến khi bà sinh con được khoảng 01 tuổi, thì hai người cùng đi làm thuê tại tỉnh Bình D. Nhưng ông B vẫn không chịu đi làm, thích thì đi làm không thích thì ở nhà chơi, đi uống rượu say sỉn và thường hay đánh bà, không thể chịu đựng cảnh bị ông B đánh thường xuyên, bà trở về quê nhà cha mẹ sinh sống. Một thời gian sau, ông B cũng trở về quê và ở nhà cha ruột

ông Bạch tại ấp Sóc Ó, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh, thỉnh thoảng khi say rượu thì đến nhà cha mẹ bà kiểm chuyện chửi. Trong năm 2021, có lần ông B say rượu cầm dao đến nhà bà hăm dọa sẽ chém, giết cha mẹ bà vì cho rằng cha mẹ bà đã xúi bà ly hôn, nhưng thực tế chuyện kiên quyết yêu cầu ly hôn là do tự bà quyết định.

Về con chung, bà và ông B có 02 con chung tên Thạch Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2013 và Thạch Thị Thu H, sinh ngày 20/4/2020 hiện sống chung với bà nên bà yêu cầu nuôi tiếp sau ly hôn và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, thu nhập của bà trung bình mỗi tháng khoảng 8.000.000đ, đủ khả năng nuôi con.

Về quyền tài sản chung, sau khi cưới cha mẹ chồng có cho 02 công ruộng tọa lạc xã Ngũ L, 01 con bò mẹ nuôi để được 01 con bò nghé và 01 xe mô tô hiệu Sirius do bà đứng tên sở hữu. Toàn bộ tài sản chung này ông B lấy đi về bên nhà cha mẹ ruột ông B, coi như bà đồng ý giao hết cho ông B sở hữu và không yêu cầu chia khi ly hôn.

Về nghĩa vụ chung tài sản, không có nên không yêu cầu gì.

Bà Thạch Thị Sô B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

*Con chung cháu Thạch Thị Thu H tự nguyện trình bày nguyện vọng yêu cầu được sinh sống, ở chung với bà Thạch Thị Sô B.*

*Tại biên bản xác minh ngày 01/4/2022 đối với ông Thạch Ngọc Th cho biết:* Ông là Trưởng Ban nhân ấp Trà Kh, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Ông B và bà Sô B kết hôn với nhau và sống tại địa phương ấp Trà Kh một thời gian ngắn thì cùng đi làm thuê xa nhà. Thời gian hai người đi làm thuê không biết họ vì nguyên nhân gì xảy ra mâu thuẫn và hiện nay không còn sống chung, ông B đã bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp Sóc Ó, xã Ngũ L, còn bà Sô B và 02 con chung vẫn sống ở nhà cha mẹ ruột tại ấp Trà Kh, xã Ngũ L. Quá trình sống chung họ chưa từng yêu cầu địa phương giải quyết vấn đề mâu thuẫn gia đình.

#### *Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thì không chấp hành, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, bà Thạch Thị Sô B tự nguyện tiến tới hệ hôn nhân với ông Thạch B năm 2012, đăng ký kết hôn năm 2013, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông B thường xuyên uống rượu say kiểm chuyện đánh bà Sô B, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình nên bà Sô B yêu cầu ly hôn.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B và bà Sô B đã ngày càng nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài, không hạnh phúc. Do đó, bà Sô B yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận; Hai con chung bà Sô B yêu cầu nuôi, nguyện vọng của con trên 07

tuổi cũng yêu cầu ở với bà Sô B, bà Sô B có thu nhập mỗi tháng 8.000.000đ nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung bà Sô B không yêu cầu chia, đồng ý giao hết cho ông B sở hữu gồm: 02 con bò, 02 công đất ruộng và 01 xe mô tô do bà Sô B đứng tên; Nợ chung không có.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Sô B được ly hôn với ông B; Về con chung, giao 02 con chung cho bà Sô B nuôi dưỡng tiếp, theo nguyện vọng của cháu trên 07 tuổi cũng yêu cầu ở với bà Sô B và bà Sô B không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết; Tài sản chung, bà Sô B không yêu cầu chia nên đề nghị không giải quyết; Nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết.

Án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bà Thạch Thị Sô B là đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng ông Thạch B vắng mặt đến lần thứ hai không lý do mà không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Xét thấy, việc cấp, tổng đạt thông báo, quyết định, giấy triệu tập giao cho ông Thạch B là niêm yết theo quy định tại điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, do ông Thạch B không có mặt ở nhà và không rõ thời điểm trở về. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời khai của bà Thạch Thị Sô B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông Thạch B không chăm lo làm kinh tế nuôi gia đình, uống rượu say kiêu chuyện đánh bà nhiều lần dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc và thời điểm giải quyết ly hôn hai người không còn sống chung, bà kiên quyết yêu cầu ly hôn. Đối với ông B trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có thông báo hòa giải bằng văn bản, đồng thời có gọi điện thoại qua số: 0878.585.325 ông B sử dụng. Qua đó ông B trả lời sẽ không có mặt theo thông báo hoặc triệu tập của Tòa án, vì bận đi làm và không có văn bản phản đối. Xét hôn nhân của ông B với bà Sô B là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 57/2013, quyển 01/2013, đăng ký ngày 16/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh, thời điểm giải quyết, xét xử hai người không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Thạch Thị Sô B ly hôn với ông Thạch B.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, bà Thạch Thị Sô B khai có con chung là cháu Thạch Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2013 và Thạch Thị Thu H, sinh

ngày 20/4/2020 hiện ở chung bà Sô B, nguyện vọng của cháu Thạch Thị Thu H (đủ 07 tuổi) yêu cầu ở với bà Sô B và bà Sô B cũng yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu ông Thạch B cấp dưỡng, Tòa án đã có giải thích cho đương sự về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng bà Sô B không yêu cầu. Xét việc bà Sô B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đối với ông B không có văn bản phản đối hoặc có yêu cầu về con chung. Riêng cháu Thạch Thị Thu H đủ 07 tuổi tự nguyện trình bày nguyện vọng yêu cầu được sinh sống, ở chung bà Sô B, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Thạch Thị Thu H và cháu Thạch Thị Thu H cho bà Sô B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về quyền đối với tài sản chung, bà Thạch Thị Sô B khai có 02 con bò, 02 công đất ruộng tọa lạc xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh và 01 xe mô tô, nhưng bà Sô B không yêu cầu. Xét việc bà Sô B không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, ông Thạch B không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu gì khác nên không giải quyết chung trong vụ án.

[5] Về nghĩa vụ đối với tài sản chung, bà Thạch Thị Sô B khai không có, ông Thạch B không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu gì khác nên không giải quyết chung trong vụ án.

[6] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhận thấy, tuy đương sự là người dân tộc Khmer sống ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu miễn tiền án phí theo các điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng theo Quyết định của Ủy ban nhân tỉnh Trà Vinh đã công nhận xã Ngũ L đạt chuẩn xã nông thôn mới trong năm 2021 nên không được miễn tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Sô B.

**1.** Về hôn nhân: Cho bà Thạch Thị Sô B ly hôn với ông Thạch B.

**2.** Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao cháu Thạch Thị Thu H, sinh ngày 04/02/2013 và Thạch Thị Thu H, sinh ngày 20/4/2020 cho bà Thạch



Thị Sô B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (nguyện vọng của cháu Thạch Thu H đủ 07 tuổi cũng yêu cầu ở với bà Thạch Thị Sô B).

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3. Về quyền đối với tài sản chung: Không giải quyết.**

**4. Về nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.**

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bà Thạch Thị Sô B chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006865 ngày 26/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Kim Thị Hồng Nga**